| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 10 – AN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2025
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thường và ông Trần Đức.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Doãn Thị Thúy P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Hòa P, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Trần Tấn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Nam H, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà P có mặt. Bị đơn ông T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà Doãn Thị Thúy P trình bày:

Sau khoảng một thời gian tìm hiểu, bà với ông Trần Tấn T quyết định chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang). Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ngoài ra ông T còn chơi số đề gây ra nợ nhiều lần. Vì những việc đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần ông T có đánh đập bà. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà đã quyết định sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình sống

ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không có ý định hàn gắn. Nay tình cảm không còn, không thể quay lại sống chung được nữa nên bà P yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Doãn Thị Thúy P xin được ly hôn với ông Trần Tấn T.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Thanh N sinh ngày 22/8/2000 và Trần Tấn Dương T sinh ngày 13/11/2006. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Tấn T: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà P.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: bà Doãn Thị Thúy P được ly hôn với ông Trần Tấn T.

Về con chung: các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị Thúy P xin được ly hôn ông Trần Tấn T; ông Trần Tấn T có đăng ký nơi thường trú tại ấp N, xã B, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là ấp N, xã T, tỉnh An Giang). Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

[1.2] Về tố tụng: bị đơn ông Trần Tấn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Doãn Thị Thúy P và ông Trần Tấn T chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã Định Mỹ, tỉnh An Giang); được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 09/8/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Doãn Thị Thúy P, thấy: trong quá trình sống chung giữa bà P và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T cũng đánh đập bà P nhiều lần. Bà P đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ và cho ông T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng không có kết quả. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà P đã quyết định sống ly thân từ năm 2021. Thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên bà P kiên quyết xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà P để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[2.3] Về quan hệ con chung, thấy: qua chứng cứ bà P cung cấp thì bà P và ông T có 02 con chung tên Trần Thị Thanh N sinh ngày 22/8/2000 và Trần Tấn Dương T sinh ngày 13/11/2006. Các con đều đã trưởng thành và và Phượng không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang là căn cứ.

[4] Về án phí: bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Thúy P.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Doãn Thị Thúy P được ly hôn với ông Trần Tấn T.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Thanh N sinh ngày 22/8/2000 và Trần Tấn Dương T sinh ngày 13/11/2006. Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: bà Doãn Thị Thúy P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021973 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang) nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Doãn Thị Thúy P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Tấn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.